

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2019

V/v “tranh chấp hôn nhân
và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 131/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Xóm A, (TT), xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn An N, sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT: Xóm A, (TT), xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Thành phố Đào Viên, Đài Loan. Vắng mặt tại phiên tòa (đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm A, (TT), xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt có xác nhận của chính quyền địa phương).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn đề ngày 05/8/2019, bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn An N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/12/2010.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác nhau. Đến năm 2012, anh Nguyễn An N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn An N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn An MQ, sinh ngày 24/6/2011. Vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn An MQ cho anh Nguyễn An N trực tiếp nuôi dưỡng vì từ trước tới nay cháu Q sống với bà Nguyễn Thị Nh (mẹ anh N) tại Xóm A, (TT), xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị Nguyễn Thị L đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan. Ngày 27/8/2019, chị L về Việt Nam làm thủ tục ly hôn với anh Nguyễn An N. Do phải tiếp tục sang Đài Loan để làm việc nên chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị L.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn An N:

Ngày 8/8/2019 và ngày 12/8/2019, anh Nguyễn An N gửi bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) trình bày: Anh N thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Nguyễn Thị L trình bày. Do vợ chồng không sống chung với nhau nên không còn tình cảm. Chị Nguyễn Thị L làm đơn xin ly hôn thì anh Nguyễn An N đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn An MQ, sinh ngày 24/6/2011. Anh N đồng ý với ý kiến của chị L giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh Nguyễn An N đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án ly hôn. Anh N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh N. Các văn bản của Tòa án đề nghị gửi cho bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1963 (mẹ anh N). Địa chỉ: tại Xóm A, (TT), xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An và bà Nh sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh N.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Nh: Bà Nh là mẹ của anh Nguyễn An N. Do anh N, chị L đang làm việc ở nước ngoài nên gửi cháu Nguyễn An MQ cho bà Nh quản lý, chăm sóc. Bà Nh không yêu cầu anh N, chị L thanh toán tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q từ trước đến nay. Hiện nay cháu Q đang ở với bà Nh và nếu Tòa án giao cháu Q cho anh N nuôi dưỡng thì bà Nh cam kết sẽ quản lý, chăm sóc cháu Q chu đáo và không yêu cầu tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án hôn nhân và gia đình Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Nguyễn An N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với vụ án cũng như đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh N, bà Nh là đúng quy định tại khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn An N là tự nguyện và hợp pháp. Cuộc sống vợ có nhiều mâu thuẫn, đã không sống chung với nhau một thời gian dài nên tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay chị L và anh N đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh N mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị L và anh N được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn An MQ, sinh ngày 24/6/2011. Chị L và anh N thỏa thuận nếu ly hôn thì giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của anh N và chị L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Bà Nguyễn Thị Nh (mẹ anh N) là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Q trong thời gian anh N, chị L đi vắng và không yêu cầu chị L, anh N phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q từ trước đến nay. Hiện nay bà Nh vẫn tự nguyện cam kết quản lý, chăm sóc cháu Q trong thời gian chị L, anh N chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con và chị L và anh N cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận sự tự nguyện chăm sóc, quản lý cháu Q của bà Nguyễn Thị Nh.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn An N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 37; Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn An N

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An MQ, sinh ngày ngày 24/6/2011 cho anh Nguyễn An N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Nh nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Nguyễn An MQ, sinh ngày ngày 24/6/2011 trong thời gian chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn An N chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn An N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003993 ngày 08/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị L đã nộp xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Nguyễn An N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QT, h QL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Anh